TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2019/HS-ST
Ngày: 21-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Lâm và ông Nguyễn Văn Hải
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 78/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn T Đ – Tên gọi khác: CL, sinh năm 1988, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Khu Z, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T P, sinh năm 1967 và bà Võ Thị S P, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 06 tiền án: Ngày 12/8/2009, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 15/11/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù, về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 07/3/2012, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 26/7/2013, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 19/12/2014, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù, về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 26/01/2016, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 24/4/2019; tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2019 cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Đặng T N, sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ 7, Khu Y, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Thái T A, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 7, Khu Y, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Ông Đoàn K T, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp 6, xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Ông Nguyễn T P, sinh năm 1967, Khu Z, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn T Đ là người bị kết án 06 lần cùng về tội Trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích. Vào khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 07/6/2019, Đ đi xe đạp ngang nhà bà Đặng Thị Mai Hương thuộc Khu Y, thị trấn T P, huyện Tân Phú thấy không đóng cửa và không có người trông coi nên Đ nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. Khi vào trong nhà, Đ thấy chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A7 màu đen của chị Đặng T N, sinh năm 1994 (con gái ruột của bà Hương) để trên bàn máy may. Đ lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần và đạp xe đạp xuống đèn xanh, đèn đỏ thị trấn T P vào quán nước ven đường để uống cà phê. Tại đây, Đ đã bán chiếc điện thoại cho ông Đoàn K T, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp 6, xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai với giá 300.000 đồng. Khi bán, ông T không biết chiếc điện thoại này do Đ trộm cắp mà có và Đ đã tiêu xài hết số tiền bán điện thoại. Khi phát hiện bị mất điện thoại, chị N và gia đình quan sát Camera ghi hình, nhận dạng được Đ và truy tìm. Đến khoảng 09 giờ 30 phút, cùng ngày, anh Thái T A, sinh năm 1988 (chồng chị N) phát hiện thấy Đ, Đ thừa nhận lấy trộm điện thoại và dẫn anh A đi tìm ông T để chuộc lại điện thoại. Tại cơ quan Công an, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL.HĐĐGTS ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận: 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy A7 màu đen, đã qua sử dụng mà bị cáo chiếm đoạt, trị giá tài sản là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 75/CT-VKSTP-ĐN ngày 23/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Bị cáo Nguyễn T Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về mức hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn T Đ từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Sam sung Galaxy A7 màu đen hiện đã trao trả cho chị N là chủ sở hữu nên không xem xét;

Đối với 01 xe đạp, bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn T P cho bị cáo mượn nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không thu giữ là đúng pháp luật.

Đối với số tiền 300.000 đồng bán điện thoại là tài sản do phạm tội mà có nên buộc bị cáo có trách nhiệm nộp lại số tiền này đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để sung vào ngân sách Nhà nước là đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh A và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời khai của bị cáo Nguyễn T Đ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời khai của người bị hại chị Đặng T N trình bày: Sáng ngày 07/6/2019, tại nhà mẹ chị là bà Đặng Thị Mai Hương, chị để 01 điện thoại Sam sung Galaxy A7 màu đen trên bàn máy may và đi ra phía sau nhà. Lát sau phát hiện điện thoại bị mất nên đã trích xuất camera và phát hiện ra Đ đã lấy điện thoại. Đến khoảng 09 giờ 30 phút, anh Thái T A (chồng chị) báo là đã lấy lại được điện thoại và báo sự việc đến công an thị trấn T P. Chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt là tài sản của chị. Chị đã nhận lại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái T A trình bày: Khoảng 08 giờ 00 phút, anh biết được chị Đặng T N (vợ anh) bị mất 01 điện thoại Sam sung Galaxy A7 màu đen nên đã trích xuất camera và phát hiện ra Đ đã lấy điện thoại. Sau đó, anh tìm kiếm ở khu vực thị trấn thì phát hiện ra Đ ở khu vực Nhà thờ Bích Lâm. Anh yêu cầu Đ đã dẫn đến gặp ông T (người mua điện thoại), anh đã trả cho ông T 300.000 đồng và lấy lại điện thoại và sáu đó báo công an thị trấn T P để giải quyết. Số tiền 300.000 đồng, anh đã trả cho ông T anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và không có ý kiến, yêu cầu gì.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn K T trình bày: Khoảng 08 giờ, ngày 07/6/2019, ông đang ngồi uống cà phê ở quán cà phê gần đèn xanh, đèn đỏ thị trấn T P thì thấy Đ gạ bán 01 chiếc điện thoại nên ông trả giá 300.000 đồng thì Đ đồng ý bán cho ông. Khi mua điện thoại thì ông không biết do bị cáo trộm cắp mà có. Khoảng 09 giờ, ông nghe nói điện thoại đó do Đ trộm cắp nên ông đã nhờ anh C – xe ôm về nhà ông lấy đem ra để trả cho người bị mất. Sau đó, anh A đã đưa cho anh C 300.000 đồng để trả cho ông nên ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T P trình bày: Ông P là cha của bị cáo Đ. Xe đạp mà bị cáo sử dụng để đi trộm cắp là tài sản của ông. Sau khi bị cáo chấp hành án phạt tù trở về địa phương thì ông giao xe đạp cho bị cáo làm phương tiện đi lại nhưng không biết bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Hiện ông đã nhận lại chiếc xe đạp nên ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội:

Bị cáo Nguyễn T Đ thừa nhận: Ngày 07/06/2019, tại nhà bà Đặng Thị Mai Hương, thuộc Khu Y, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của chị Đặng T N 01 điện thoại Sam sung Galaxy A7 màu đen, trị giá 2.200.000đ (hai triệu hai trăm ghìn đồng) để bán lấy tiền tiêu xài. Qua kiểm tra camera phát hiện và bắt giữ bị cáo và giao cho cơ quan công an. Vụ án được điều tra, làm rõ.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi do bị cáo thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã bị kết án 06 lần về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội. Tội danh mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố theo khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ trực tiếp xâm phạm tài sản của chị N được pháp luật bảo vệ, mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó phải xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Cần tuyên mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt có ích và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[2.3]. Xét tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức án phù hợp đối với bị cáo, nhằm nâng cao tính giáo dục và thể hiện sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa xét xử công khai vụ án nhằm xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại Sam sung Galaxy A7 màu đen là tài sản hợp pháp của chị N nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho chị N là đúng pháp luật.

Đối với số tiền 300.000 đồng bán điện thoại là tài sản do phạm tội mà có nhưng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thương nên buộc bị cáo có trách nhiệm nộp lại số tiền này đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét;

[5]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với ông Đoàn K T khi mua điện thoại di động Samsung Galaxy A7 màu đen không biết đây là tài sản do Đ phạm tội mà có nên không xử lý hình sự đối với ông T là đúng pháp luật.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh A và ông T) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt và không trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh A và ông T) theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1; điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T Đ phạm tội: "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Nguyễn T Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/06/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015:

Bị cáo Đ phải nộp lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, ông Nguyễn T P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, anh Thái T A, ông Đoàn K T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA; Lưu HS, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**